

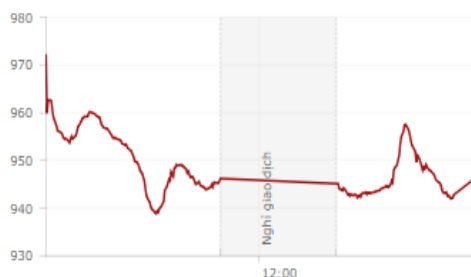
Market Today: Mức tỷ trọng cổ phiếu giảm về gần vùng đáy

11/10/2018

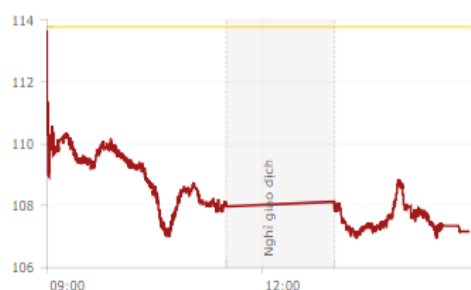
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	945.89	107.17	52.04
% ngày	-4.84	-5.79	-3.31
% tuần	-7.59	-7.83	-4.60
% tháng	-3.98	-3.82	1.15
% năm	16.21	-1.36	-3.84
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	7,686	1,370	596
Hôm qua	5,837	727	365
TB 1 tháng	5,575	738	477
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	599.81	24.16	38.92
Bán	883.76	25.43	14.48
Giá trị ròng	-283.95	-1.27	24.43
Độ rộng TT			
Mã Tăng	31	28	49
Mã Giảm	299	159	120
Không Đổi	41	187	85
Chỉ số chính			
P/E	18.8x	10.7x	15.25x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,197	204	974
LS Cổ tức (%)	2.72	2.28	3.51

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VN-INDEX



HNX-INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

"Đợt điều chỉnh đã được chờ đợi từ lâu" là câu nói của tổng thống Donald Trump để nói lên việc thị trường Mỹ lao dốc trong phiên trước, các chỉ số chính của thị trường Mỹ đều giảm cực mạnh từ 3%~4%. Thị trường chứng khoán Châu Á cũng bị ảnh hưởng tiêu cực khi chốt phiên 11/10 thị trường Hong Kong 3.54%, thị trường Trung Quốc giảm 5.22% ~ 6.45% cho mỗi chỉ số, Đài Loan giảm 6.31%, Chứng khoán Nhật Bản và Hàn Quốc cũng chung tình trạng, chỉ số Nikkei 225 giảm 3.89%, chỉ số Kospi của Hàn Quốc giảm 4.44%.

Thị trường Việt Nam cũng không thoát khỏi việc các nhà đầu tư bán tháo và lượng tiền lớn bị rút ra khỏi thị trường gần 165,000 tỷ đồng, tương đương với 7.2 tỷ đô. Trong đó có rất nhiều cổ phiếu có vốn hóa lớn bị bán rông ra GAS (16.1 nghìn tỷ), VCB (14.4 nghìn tỷ) và VHM (12 nghìn tỷ) và VIC (11.5 nghìn tỷ). Chỉ số VN-Index giảm sâu 4.84% xuống 945.89 điểm; chỉ số HNX-Index giảm mạnh 5.79% xuống 107.17 điểm và chỉ số Upcom-Index giảm 3.31% xuống 52.04 điểm.

Đa số các cổ phiếu trụ cột trên thị trường đều đồng loạt lao dốc, trong đó, các mã như BID, CTG, GAS, HSG, MSN, PVD, SSI, STB, VPB... đều bị kéo xuống mức giá sàn. Điểm tích cực duy nhất trong phiên phiên bán tháo bất ngờ này chính là thanh khoản. Tổng giá trị giao dịch trên 3 sàn lên đến hơn 9.600 tỷ đồng - gấp đôi một phiên bình thường. Tuy nhiên dòng tiền này vẫn không là gì khi chỉ số VN-Index vẫn bị mất đi hơn 48 điểm trong phiên

Khối ngoại trong phiên hôm nay giao dịch khá thấp so với các nhà đầu tư trong nước, tỷ lệ giao dịch của khối ngoại chỉ tầm 10% tổng giá trị giao dịch toàn thị trường. Tuy nhiên xu hướng bán rông nhẹ vẫn diễn ra với lượng hơn 250 tỷ vốn ngoại rút ra khỏi thị trường và những mã bị bán rông mạnh là VIC, VNM, MSN, BID, VJC...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng áp lực bán có thể sẽ giảm dần trong phiên kế tiếp và chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định mức hỗ trợ nhất 926 điểm. Đồng thời, tâm lý nhà đầu tư đang dần rơi vào trạng thái bi quan thái quá và nhiều cổ phiếu cũng đang rơi vào vùng quá bán cho nên lực cầu bắt đáy có thể sẽ tăng dần trong vài phiên tới. Ngoài ra, nhiều cổ phiếu đã có mức chiết khấu đủ hấp dẫn trở lại trong ngắn hạn và tỷ trọng cổ giảm mạnh về vùng đáy ngắn hạn, điều này cho thấy khả năng hồi phục của thị trường được đánh giá cao trong vài phiên tới.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 1,013.58 điểm của chỉ số VN-Index và 116.8 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư không nên bán tháo ở nhịp giảm mạnh và chỉ nên hạ tỷ trọng ở các nhịp hồi phục. Đồng thời, nếu các nhà đầu tư vẫn còn tỷ trọng cổ phiếu cao trong danh mục thì có thể xem xét lướt sóng mua thấp và chờ bán ở nhịp tăng để hạ giá vốn. Vị thế mua mới nên chờ xu hướng tăng được xác nhận trở lại trong ngắn hạn.

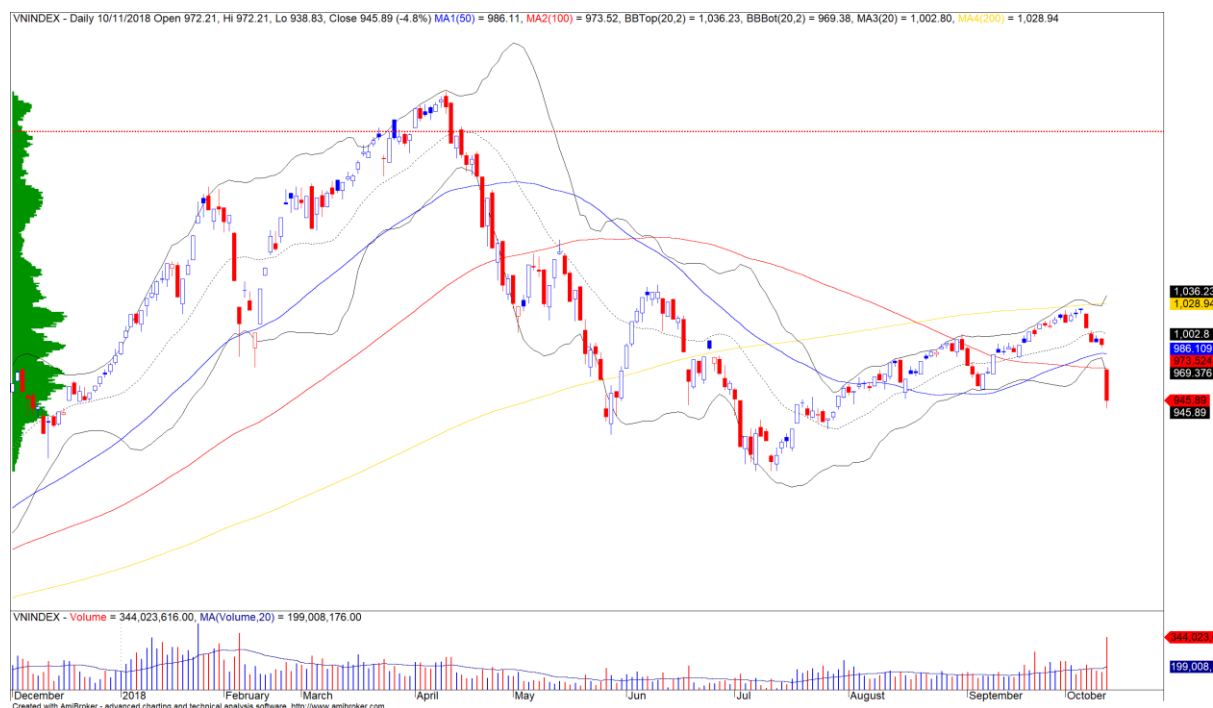
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 14% cổ phiếu/86% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	1,000	1,044	955	890
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	TĂNG	120.5	126.5	110.5	103.5

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	14.75	GIẢM	GIẢM		16.93				19.57		
ACB	31.00	GIẢM	GIẢM	30.96	33.02	6.64%	BÁN		36.35		
ACV	80.00	GIẢM	GIẢM		87.11				93.16		
ANV	22.10	GIẢM	TĂNG	18.90	22.16	17.23%	BÁN	21.45	17.58	3.03%	
ASM	11.05	GIẢM	GIẢM		12.65				14.14		
BFC	25.80	GIẢM	GIẢM	27.90	26.53	-4.92%			28.92		
BHN	82.00	GIẢM	GIẢM	83.60	86.94	4.00%			101.13		
BID	32.90	GIẢM	TĂNG	25.80	34.62	34.17%		33.40	29.25	-1.50%	
BMP	58.60	GIẢM	TĂNG		69.08			63.50	54.39	-7.72%	
BSR	16.70	GIẢM	TĂNG		20.13			20.00	16.00	-16.50%	
BVH	87.60	GIẢM	TĂNG		97.26			86.00	80.75	1.86%	
BWE	18.75	GIẢM	TĂNG	17.70	19.06	7.68%	BÁN	20.00	16.82	-6.25%	
CEO	12.30	GIẢM	GIẢM	13.40	13.33	-0.55%	BÁN		14.91		
CHP	22.50	GIẢM	TĂNG		22.90			23.50	22.03	-4.26%	
CSM	14.70	GIẢM	TĂNG	14.25	15.44	8.36%	BÁN	14.39	12.89	2.15%	
CTD	156.50	GIẢM	TĂNG	149.50	162.27	8.54%	BÁN	161.20	147.10	-2.92%	
CTG	24.60	GIẢM	TĂNG		27.82			28.10	23.56	-12.46%	
CTI	25.90	GIẢM	GIẢM		27.01				30.15		
CVT	24.80	GIẢM	GIẢM		28.19				29.20		
DCM	9.82	GIẢM	TĂNG		11.11			11.00	9.69	-10.73%	
DGW	25.00	GIẢM	TĂNG	23.90	26.01	8.83%	BÁN	27.50	23.62	-9.09%	
DHA	29.20	TĂNG	TĂNG	28.20	28.47	3.55%		29.10	26.03	0.34%	
DHC	39.80	GIẢM	TĂNG		43.95			44.60	37.27	-10.76%	
DHG	89.70	GIẢM	GIẢM		95.91				104.17		
DPG	50.00	TĂNG	TĂNG	40.90	49.96	22.25%		52.00	42.36	-3.85%	
DPM	17.65	GIẢM	TĂNG		19.37			19.40	16.88	-9.02%	
DPR	37.50	GIẢM	GIẢM	37.50	38.07	1.53%	BÁN		38.96		
DQC	28.00	GIẢM	GIẢM	29.55	28.04	-5.10%	BÁN		30.33		
DRC	24.60	GIẢM	TĂNG		26.86			24.30	23.85	1.23%	
DXG	27.00	GIẢM	TĂNG		29.83			29.80	25.06	-9.40%	
ELC	8.11	GIẢM	GIẢM		9.44				10.45		
FCN	15.90	GIẢM	TĂNG	16.45	16.12	-2.01%	BÁN	17.70	14.30	-10.17%	
FIT	3.75	GIẢM	GIẢM		4.21				4.98		
FMC	26.90	TĂNG	TĂNG	21.20	26.85	26.89%		24.70	23.41	8.91%	
FPT	42.70	GIẢM	TĂNG		46.17			45.90	41.71	-6.97%	
GAS	112.60	GIẢM	TĂNG		123.88			103.00	98.97	9.32%	
GEX	26.50	GIẢM	TĂNG	29.50	28.18	-4.47%	BÁN	30.10	25.97	-11.96%	
GIL	36.70	GIẢM	TĂNG		39.64			34.90	34.85	5.16%	

We Create Fortune

GMD	25.95	GIẢM	TĂNG	25.40	27.06	6.53%	BÁN	27.30	23.81	-4.95%	
GTN	10.95	GIẢM	TĂNG	11.25	11.39	1.23%	BÁN	11.20	9.83	-2.23%	
HAG	5.21	GIẢM	GIẢM		6.03			6.19	5.86	-5.37%	
HAX	15.70	GIẢM	TĂNG		18.09			18.50	15.20	-15.14%	
HBC	22.65	GIẢM	GIẢM	23.80	23.89	0.36%	BÁN		26.74		
HDB	36.10	GIẢM	GIẢM		38.94				42.32		
HNG	14.90	GIẢM	TĂNG		16.89			8.20	14.25	81.71%	
HPG	39.90	GIẢM	GIẢM		42.64				42.50		
HSG	11.70	GIẢM	GIẢM	11.35	12.41	9.30%	BÁN		13.04		
HT1	12.85	GIẢM	TĂNG	11.75	13.49	14.82%	BÁN	13.00	12.40	-1.15%	
HUT	5.20	GIẢM	GIẢM	5.80	5.58	-3.84%	BÁN		6.47		
HVN	35.00	GIẢM	TĂNG		40.44			39.20	33.74	-10.71%	
ITD	13.00	TĂNG	TĂNG	12.90	12.52	0.78%		12.40	11.14	4.84%	
KBC	12.20	GIẢM	GIẢM	12.40	12.82	3.35%	BÁN	13.45	13.24	-1.55%	MUA
KDH	32.15	GIẢM	TĂNG	30.30	33.14	9.37%	BÁN	33.40	30.00	-3.74%	
KSB	31.70	GIẢM	TĂNG		35.54			34.20	28.33	-7.31%	
LCG	8.69	GIẢM	TĂNG	9.46	9.12	-3.58%	BÁN	9.39	8.38	-7.45%	
LDG	17.00	GIẢM	TĂNG	15.00	17.47	16.47%	BÁN	16.50	13.59	3.03%	
LIX	49.60	TĂNG	TĂNG	41.20	47.51	20.39%		44.40	44.31	11.71%	
LPB	9.30	GIẢM	GIẢM		10.68				10.88		
LSS	7.62	TĂNG	GIẢM	7.22	7.61	5.54%		7.89	7.75	-1.79%	MUA
MSN	78.60	GIẢM	GIẢM		91.16			90.60	81.25	-10.32%	
MWG	124.50	GIẢM	TĂNG	122.00	125.65	2.99%	BÁN	121.00	112.55	2.89%	
NKG	12.95	GIẢM	GIẢM		15.23				15.54		
NLG	30.15	GIẢM	TĂNG	31.75	31.46	-0.91%	BÁN	32.40	28.28	-6.94%	
NT2	25.20	GIẢM	GIẢM	25.74	25.61	-0.50%	BÁN		27.15		
NTL	9.44	GIẢM	TĂNG	10.35	9.72	-6.10%	BÁN	10.45	9.11	-9.67%	
NTP	47.50	GIẢM	TĂNG		51.57			51.50	43.27	-7.77%	
PAC	44.50	GIẢM	TĂNG	40.20	44.53	10.76%	BÁN	44.10	39.70	0.91%	
PC1	25.10	GIẢM	TĂNG		27.77			28.50	24.73	-11.93%	
PDR	25.50	GIẢM	GIẢM		27.62				28.77		
PGC	14.50	TĂNG	GIẢM	14.35	14.36	1.05%			15.41		
PHR	26.40	GIẢM	TĂNG	21.90	27.10	23.72%	BÁN	24.00	23.40	10.00%	
PLX	62.90	GIẢM	GIẢM		70.29			68.00	62.92	-7.47%	
PNJ	102.20	GIẢM	TĂNG	103.50	104.65	1.11%	BÁN	103.90	88.23	-1.64%	
POW	14.40	GIẢM	TĂNG		16.30			14.10	13.88	2.13%	
PPC	18.25	GIẢM	TĂNG	18.50	19.38	4.75%		20.10	17.49	-9.20%	
PTB	65.50	TĂNG	TĂNG	62.40	64.37	4.97%		64.00	53.16	2.34%	
PVD	18.15	GIẢM	TĂNG		21.80			16.35	15.73	11.01%	
PVI	32.90	TĂNG	TĂNG	29.90	32.73	10.03%		33.00	29.57	-0.30%	
PVS	20.40	GIẢM	TĂNG		24.63			20.90	19.21	-2.39%	
PXS	5.77	GIẢM	TĂNG		6.85			6.19	5.57	-6.79%	
RAL	96.10	TĂNG	TĂNG	91.00	95.77	5.60%		103.60	86.74	-7.24%	

We Create Fortune

REE	34.00	GIẢM	TĂNG	36.70	35.73	-2.63%	BÁN	36.40	32.54	-6.59%	
SAB	222.00	TĂNG	GIẢM	208.00	219.96	6.73%			233.02		
SAM	7.30	GIẢM	TĂNG		7.87			7.75	7.06	-5.81%	
SBV	24.45	TĂNG	GIẢM	26.20	23.86	-6.68%			26.95		
SCR	8.65	GIẢM	GIẢM		9.72				10.30		
SHI	6.75	TĂNG	TĂNG	6.27	6.42	7.66%		6.99	5.88	-3.43%	
SJS	17.30	GIẢM	GIẢM		19.45				21.87		
SKG	21.30	GIẢM	TĂNG		24.69			23.10	21.13	-7.79%	
SSI	30.35	GIẢM	GIẢM	28.47	31.70	11.34%	BÁN		33.13		
STB	12.50	GIẢM	TĂNG	11.20	13.26	18.41%	BÁN	13.50	11.16	-7.41%	
SVC	45.00	TĂNG	GIẢM	44.90	44.08	0.22%			47.58		
TCB	27.85	GIẢM	GIẢM	26.60	28.58	7.44%	BÁN		N/A		
TCM	25.85	GIẢM	TĂNG		31.65			21.60	25.00	19.68%	
TDH	11.45	GIẢM	GIẢM	11.75	11.98	1.94%	BÁN		12.71		
TLH	6.85	GIẢM	GIẢM		7.84				7.98		
TMT	10.40	TĂNG	TĂNG	9.84	9.92	5.69%		9.29	7.09	11.95%	
TNG	14.30	GIẢM	GIẢM		18.21			12.00	14.39	19.90%	
TYA	10.70	TĂNG	GIẢM	10.70	10.25	0.00%			11.68		
VCB	57.70	GIẢM	TĂNG		63.72			64.60	55.34	-10.68%	
VFG	35.95	TĂNG	TĂNG	36.80	33.77	-2.31%		34.39	32.56	4.52%	
VGC	16.60	GIẢM	GIẢM		19.37				21.13		
VHM	76.50	GIẢM	N/A		84.35						
VIB	27.10	GIẢM	GIẢM	27.90	28.43	1.90%	BÁN		30.67		
VIC	93.00	GIẢM	TĂNG		100.41			111.50	92.44	-16.59%	
VIP	7.00	TĂNG	GIẢM	7.12	6.96	-1.69%			7.29		
VJC	140.80	GIẢM	TĂNG		147.36			156.00	132.31	-9.74%	
VNM	127.00	GIẢM	GIẢM		134.17				139.87		
VPB	23.25	GIẢM	GIẢM		26.22				30.02		
VRC	21.90	GIẢM	TĂNG		25.13			19.35	20.10	13.18%	
VRE	37.40	GIẢM	GIẢM		41.60				43.79		
VSC	44.00	TĂNG	TĂNG	42.90	43.34	2.56%		35.30	36.98	24.65%	
VSH	17.40	TĂNG	TĂNG	17.70	17.32	-1.69%		17.40	16.64	0.00%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	945.89	-4.84%
VN30	920.02	-4.79%
VN Mid	993.18	-5.59%
VN Small	820.51	-4.07%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	107.17	-5.79%
HN30	195.16	-6.68%
VNX AllSh	875.59	-4.75%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	53.70	0.05

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	599.81	
Bán	883.76	
GT ròng	-283.95	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	24.16	
Bán	25.43	
GT ròng	-1.27	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	19.46	
Bán	6.04	
GT ròng	13.42	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NVT	430	6.97%
HRC	1,500	4.36%
SGR	700	3.45%
PGD	850	2.36%
COM	1,000	1.83%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VPB	-1,750	-7.00%
CTG	-1,850	-6.99%
GMD	-1,950	-6.99%
SCR	-650	-6.99%
SKG	-1,600	-6.99%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVS	-2,200	-9.73%
ART	-700	-9.59%
SHS	-1,500	-9.55%
CEO	-1,200	-8.89%
VGC	-1,600	-8.79%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
GVR	-1,100	-11.11%
OIL	-1,700	-10.37%
BSR	-1,900	-10.22%
VGI	-2,200	-9.32%
VGT	-1,200	-9.09%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	308,311	
VHM	267,961	
GAS	228,334	
VNM	227,953	
VCB	221,982	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	42,029	
VCS	13,280	
SHB	10,467	
PVS	10,363	
VCG	8,304	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	180,702	
BSR	58,289	
MCH	54,467	
HVN	48,109	
GVR	40,400	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	
STB	24,829,240	
FLC	22,343,530	
HPG	15,991,110	
HSG	13,295,970	
CTG	12,082,520	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	
SHB	21,529,098	
PVS	13,037,921	
ACB	9,524,835	
HUT	5,321,191	
VGC	4,574,880	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	
BSR	8,203,266	
LPB	5,331,799	
POW	4,019,253	
OIL	2,843,928	
VGT	2,165,127	

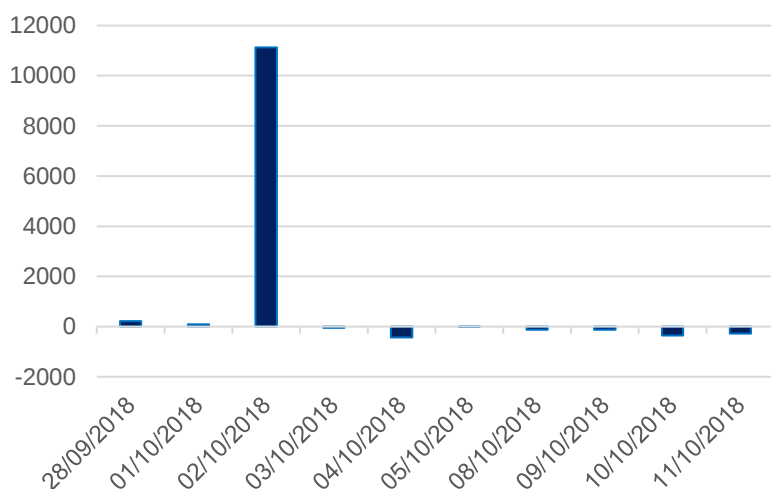
Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

We Create Fortune

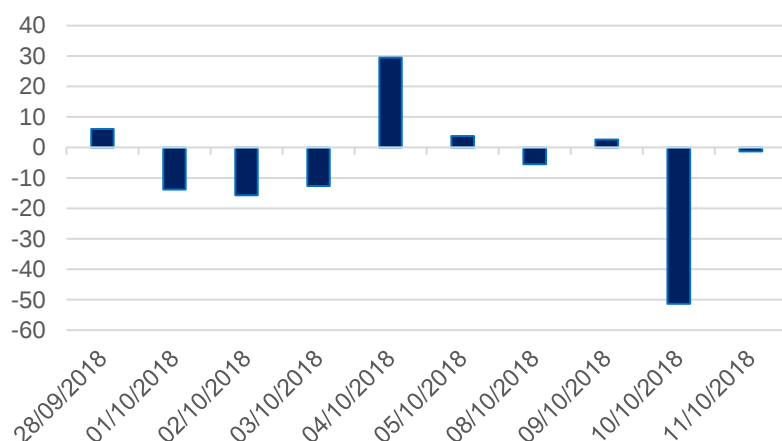
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
DXG	37,640	VIC	(157,828)
VRE	23,400	VNM	(45,584)
SBT	14,651	MSN	(38,610)
PLX	8,794	BID	(18,835)
PVD	8,360	VJC	(16,876)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

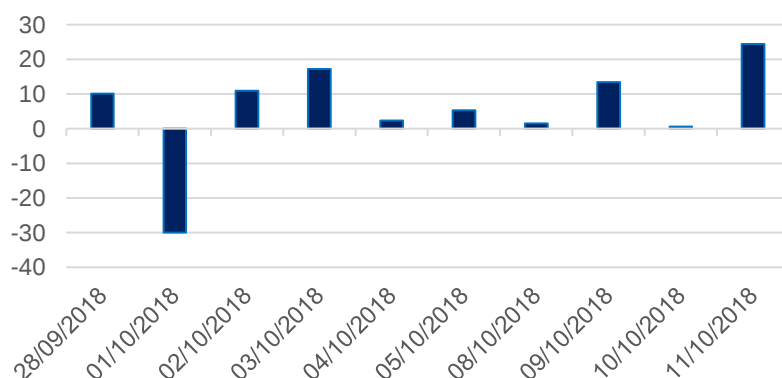
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
VGC	7,649	SHB	(9,253)
CEO	3,887	PVS	(4,840)
SHS	2,408	VCG	(1,045)
VCS	1,931	ART	(1,038)
INN	429	PVB	(1,026)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



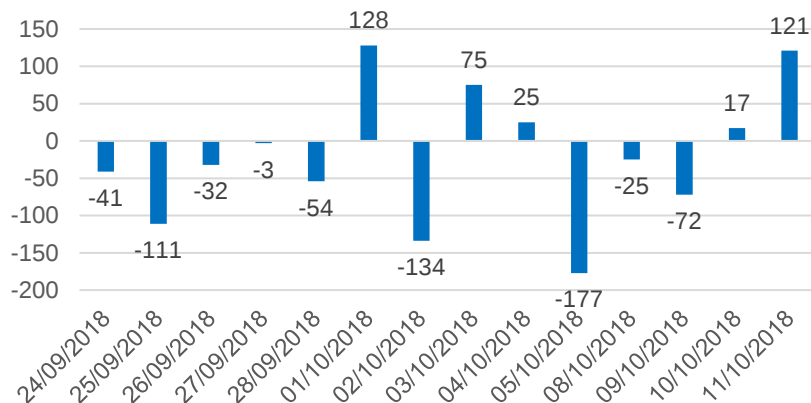
Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
VEA	11,824	LPB	(1,784)
POW	7,248	HVN	(231)
QNS	2,197	SPV	(151)
BSR	1,050	MSR	(122)
GEG	965	VCA	(49)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng
(tỷ đồng)

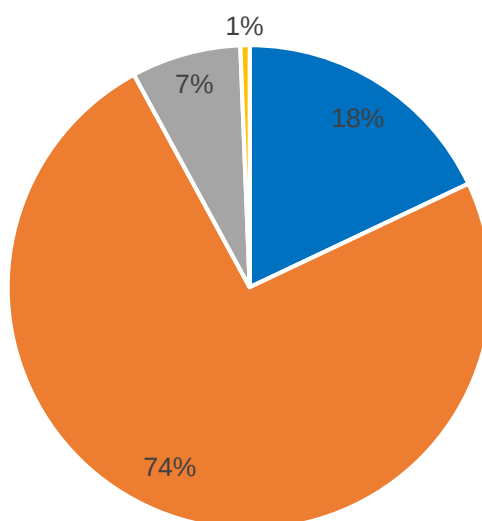


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
VIC	84,248	VIC	58,426
NVL	35,538	VPB	48,651
HPG	34,842	NVL	33,352
E1VFN30	23,035	HPG	26,925
MBB	20,194	MBB	12,285

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written